

Bản án số: 31/2020/HS - PT
Ngày: 28 - 9 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Oanh

Bà Nguyễn Thị Dụ

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Ngọc Liễu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 22/2020/TLPT – HS ngày 21 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo Phạm Anh T. Do có kháng cáo của bị cáo Phạm Anh T, người đại diện cho bị hại bà Nguyễn Thị N đối với bản án hình sự sơ thẩm số 11/2020/HS - ST ngày 04 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

- Bị cáo có kháng cáo: PHẠM ANH T, sinh ngày 17 tháng 10 năm 2000. Nơi cư trú: Phố B, xã H, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Phạm Tiến D, sinh năm 1973 và bà Trần Thị T, sinh năm 1978, gia đình có hai anh em, bị cáo là con cả trong gia đình. Vợ, con: Chưa. Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại, đang chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình. Có mặt

- Người bào chữa: Ông Nguyễn Thiện H, bà Đặng Thị Ngọc H1, bà Nguyễn Thị Thanh H2, bà Trần Thị Việt H3 - Luật sư Công ty luật TNHH V thuộc đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Trú tại: Phòng 1612, tòa nhà B6A, khu đô thị mới Nam Trung Yên, phường T, quận Cầu G, thành phố Hà Nội. Ông H, bà H2 có mặt. Bà H1, H3 có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị hại: Anh Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 2001 (đã chết).

- Người đại diện của bị hại Nguyễn Hữu Đ: Ông Nguyễn Hữu B và bà Nguyễn Thị N (bố mẹ đẻ). Trú tại: thôn T, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội. Có mặt

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Nguyễn Hữu Đ:*

Ông Hoàng Văn D và Ông Đinh Việt Th - Luật sư Văn phòng luật sư H thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Trú tại: Phòng 202, tòa nhà N3B Lê Văn Lương, quận T, thành phố Hà Nội. Ông D có mặt, ông Th vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Anh Nguyễn Minh Ch, sinh năm 2001. Trú tại: xóm A, xã D, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

+ Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1980. Trú tại: thôn T, xã Th, huyện C, thành phố Hà Nội.

+ Bà Nguyễn Thị Kim M, sinh năm 1966. Trú tại: số nhà 33, tiểu khu 6, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

+ Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 2001. Trú tại: B2 (nay là Phố B), xã H, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

+ Anh Đinh Văn Q, sinh năm 2001. Trú tại: xóm S, xã H, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

+ Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 2001. Trú tại: B1 (nay là Phố B), xã H, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

+ Ông Lê Tuấn D, sinh năm 1964. Trú tại: phố T 1, xã T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

+ Ông Trần Công V, sinh năm 1957. Trú tại: số nhà 33, tiểu khu 6, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

+ Chị Phạm Thị Ng, sinh năm: 1980. Trú tại: Số nhà 91, tổ 23, phường Đ, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

Những người làm chứng đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 08/12/2016, sau khi tan học tại trường THPT K thuộc xóm T, xã D, thành phố H, tỉnh Hòa Bình, bị cáo Phạm Anh T điều khiển xe máy BKS 28FZ – 011.83 đi một mình về nhà theo hướng Hòa Bình - Hà Nội. Khi đến Km 59, quốc lộ 6A thuộc địa phận B1 (nay là Phố Bã), xã H, thành phố H, tỉnh Hòa Bình thì dừng lại lề đường bên phải nơi mẹ đẻ của T là bà Trần Thị T đang bán hoa quả tại đó. Lúc này, T vẫn ngồi trên yên xe, hai chân chống xuống đất, tay trái T cầm tay lái phía bên trái của xe, tay phải với lấy quả táo để ăn. Sau khi ăn xong, T điều khiển xe máy sang đường (từ phải qua trái để về nhà ở phía đối diện). Khi xe T đang sang đường thì xảy ra va chạm với xe mô tô BKS 29Y5 – 168.36 do Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 2001, trú tại: thôn T, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội điều khiển xe hướng Hòa Bình – Hà Nội, chở sau là Nguyễn Minh Ch. Hậu quả, T,

Đ, Ch đều bị thương được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hòa Bình. Do thương tích nặng, đến ngày 22/12/2016, anh Đ tử vong.

Kết luận giám định pháp y số 249 – GDPY ngày 26/12/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hòa Bình kết luận “*Nạn nhân chết do chấn thương sọ não*”.

Kết quả khám nghiệm hiện trường và thực nghiệm điều tra ngày 12/5/2017 xác định: Tại Km 59 Quốc lộ 6 nơi xảy ra tai nạn là ngoài khu vực đông dân cư, đoạn đường thẳng hơi dốc về hướng Hà Nội, mặt đường rải nhựa có vạch sơn đứt quãng chia lòng đường thành hai làn xe chạy ngược chiều nhau, hai bên mép đường có vạch sơn liền phân cách lòng và lề đường riêng biệt, lòng đường rộng 9,12m, lề đường mỗi bên rộng 2,0m, cách điểm va chạm (A) 8,05m có cắm biển báo chú ý trẻ em. Vị trí va chạm giữa xe máy biển số 28FZ – 011.83 với xe mô tô BKS 29Y5 - 168.36 được xác định trên mặt đường phần bên phải hướng Hòa Bình – Hà Nội cách lề đường bên trái 6,14m, cách vạch phân cách giữa đường 1,57m, cách mốc vụ tai nạn giao thông 12,30m, cách vị trí giữa cổng nhà Phạm Anh T là 8,20m.

Ngày 09/01/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Kỳ Sơn (nay là thành phố H) đã ra quyết định số 20/QĐ-CSĐT quyết định trưng cầu giám định đối với những bộ phận của xe mô tô BKS 29Y5 – 168.36 bị hư hỏng. Kết luận của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Kỳ Sơn kết luận: “*Tổng giá trị các tài sản yêu cầu định giá là 2.960.000 đồng*”.

Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2018/HS - ST ngày 19/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện K (nay là thành phố H) quyết định: Tuyên bố bị cáo Phạm Anh T phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”. Áp dụng khoản 1 Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH13 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều BLHS năm 2017 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2018; Điều 7, Điều 36, khoản 2 Điều 51, Điều 90, 91, 100 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Phạm Anh T 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 584, 585, 586, 589, 591 Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc ông Phạm Tiến D và bà Trần Thị T (là bố mẹ đẻ bị cáo Phạm Anh T) phải bồi thường cho gia đình bị hại Nguyễn Hữu Đ là ông Nguyễn Hữu B và bà Nguyễn Thị N số tiền 323.553.087(*Ba trăm hai mươi ba triệu, năm trăm năm mươi ba nghìn không trăm tám mươi bảy đồng*). Ngoài ra bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo, người bào chữa, người đại diện của bị hại và người bảo vệ quyền và lợi ích của bị hại.

Bản án hình sự phúc thẩm số 04/2019/HS - PT ngày 15/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình quyết định: Hủy toàn bộ bản án hình sự số 10/2018/HS – ST ngày 19/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện K (nay là thành phố H), tỉnh Hòa Bình. Chuyển toàn bộ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân huyện K để tiến hành điều tra, truy tố và xét xử lại.

Tại phiên tòa sơ thẩm lần 2, bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Do không phạm tội nên bị cáo không có nghĩa vụ bồi thường. Đối với người đại diện cho bị hại cho rằng anh Nguyễn Hữu Đ tham gia giao thông đúng tốc độ, đi đúng phần đường ưu tiên. Nguyên nhân chính dẫn đến tai nạn trong vụ án này là lỗi của bị cáo Phạm Anh T sang đường không quan sát, không có tín hiệu sang đường, chuyển hướng đột ngột khiến bị hại Đ không kịp xử lý nên đã đâm vào xe T, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù với bị cáo T. Về trách nhiệm dân sự : buộc bị cáo Phạm Anh T phải bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 499.470.000đ (*Bốn trăm chín mươi chín triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn*).

Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2020/HS - ST ngày 04/3/2020 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hòa Bình quyết định: Tuyên bố bị cáo Phạm Anh T phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”. Áp dụng khoản 1 Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH13 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều BLHS năm 2017 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2018; Điều 7, Điều 36, khoản 2 Điều 51, Điều 90, 91, 100 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Phạm Anh T 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 584, 585, 586, 589, 591 Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc bị cáo Phạm Anh T phải bồi thường cho ông Nguyễn Hữu B và bà Nguyễn Thị N số tiền 216.860.000đ (*Hai trăm mười sáu triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng*). Ngoài ra bản án hình sự sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo bị cáo, người đại diện của bị hại.

Ngày 13/3/2020, bị cáo Phạm Anh T kháng cáo kêu oan, đề nghị tuyên bố bị cáo không phạm tội.

Ngày 13/3/2020, người đại diện của bị hại bà Nguyễn Thị N có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo Phạm Anh T. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại việc chia lỗi của Tòa án nhân dân thành phố H và buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho gia đình theo chi phí thực tế với số tiền là 499.470.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo, người đại diện của bị hại giữa nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình phát biểu ý kiến: Bản án số 11/2020/HS - ST ngày 04 tháng 03 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố H xét xử bị cáo Phạm Anh T về tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ theo quy định tại khoản 1 Điều 202 Bộ luật Hình sự 1999 là đúng người, đúng tội. Đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị N, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét dựa trên các tình tiết giảm nhẹ và áp dụng các quy định về hình phạt đối với người chưa thành niên, với mức án 12 tháng cải tạo không giam giữ là phù hợp, tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, phía bị hại Nguyễn Hữu Đ khi tham gia giao thông có một phần lỗi như không có giấy phép lái xe, chưa đội mũ bảo hiểm, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào lỗi của bị cáo, bị hại để chia lỗi từ đó xác định mức bồi thường là hợp lý, phù hợp với mức độ lỗi của các bên.; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, 356 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo, người đại diện của bị hại. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 11/2019/HS – ST ngày 04/3/2020.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Phạm Anh T trình bày luận cứ nêu quan điểm: Hiện trường vụ án và kết luận điều tra, cáo trạng của Viện kiểm sát huyện K có nhiều mâu thuẫn, không phù hợp với thực tế khách quan. Sơ đồ hiện trường cơ quan cảnh sát điều tra không xác định chính xác điểm A là điểm va chạm giữa xe mô tô do Đ và xe mô tô do T điều khiển. Biên bản khám nghiệm phương tiện; biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh phản ánh không đúng hiện trường vụ tai nạn giao thông. Dấu vết để lại hiện trường vụ tai nạn, cơ quan điều tra xác định không chính xác, vết 01;02 không phải do phương tiện gây tại nạn để lại. Việc điều tra lại của cơ quan điều tra chỉ tập trung lấy lời khai nhân chứng để buộc tội đối với Phạm Anh T. Những người làm chứng có lời khai Nguyễn Hữu Đ điều khiển xe với tốc độ nhanh nhưng không được điều tra làm rõ. Luật sư cho rằng có dấu hiệu làm sai lệch hồ sơ vụ án. Cùng một hành vi phạm tội, hình phạt của hai bản án sơ thẩm có sự khác nhau (sơ thẩm lần 1 là 09 tháng cải tạo không giam giữ nhưng sơ thẩm lần 2 là 12 tháng cải tạo không giam giữ). Việc bị cáo chuyển hướng sang đường có gờ tay hay không gờ tay không quan trọng. Điểm va chạm giữa hai phương tiện chưa được điều tra làm rõ. Việc xác định độ tuổi của bị cáo Phạm Anh T của Viện khoa học hình sự Bộ Công an, các cơ quan tiến hành tố tụng không sử dụng làm chứng cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo không phạm tội và đình chỉ vụ án.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho đại diện theo bị hại nêu ý kiến: bị cáo vi phạm quy định điều khiển phương tiện giao thông đường bộ, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 12 tháng cải tạo không giam giữ là chưa phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử phạt tù giam đối với bị cáo để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo. Việc bị

hại. Đ không có giấy phép lái xe và không đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông là lỗi hành chính do vậy đề nghị HĐXX buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ chi phí cho đại diện bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện K (nay thành phố H); Điều tra viên; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với khiếu nại của bị cáo, gia đình bị cáo, người bào chữa cho rằng trong quá trình điều tra, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã làm thay đổi hiện trường, làm sai lệch hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thấy những khiếu nại trên là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Do đó, hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]. Xét kháng cáo của bị cáo Phạm Anh T kêu oan, đề nghị tuyên bị cáo không phạm tội. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1.1] Về hành vi phạm tội: Bị cáo T và người bào chữa cho rằng hành vi sang đường của T không vi phạm Luật giao thông đường bộ, không cấu thành tội phạm vì khi sang đường T có quan sát, giơ tay xin đường, không nổ xe máy mà dùng hai chân đẩy cả người và xe qua đường. Nguyên nhân xảy ra tai nạn là do bị hại điều khiển xe đi quá tốc độ, không giảm tốc độ khi thấy chướng ngại vật. Xét thấy: Tại bút lục 52, Biên bản xác định tình trạng phương tiện tai nạn giao thông: “...*Khi tiến hành bật khóa điện của chiếc xe mô tô BKS 28FZ – 01183 vẫn còn số và nổ được máy. Và không có đèn tín hiệu xi nhan của phương tiện được bật lên....*”, việc kiểm tra phương tiện có bác ruột của T là ông Phạm Đức C chứng kiến. Biên bản này phù hợp với lời khai của người làm chứng Nguyễn Thị H (BL 214, BL 38 – 41- Tập điều tra bổ sung sau khi hủy án), Đinh Văn Q (BL 242 – 243) về việc T sang đường không có tín hiệu và lời khai ban đầu của Phạm Anh T về việc điều khiển xe đang nổ máy (BL 112 – 115) chứ không phải dùng chân đẩy xe như lời gỡ tội của người bào chữa. Với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như sơ đồ khám nghiệm hiện trường, biên bản xác định tình trạng phương tiện và lời khai ban đầu của bị cáo cũng như lời khai của người làm chứng, Hội đồng xét xử kết luận: Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 08/12/2016, sau khi tan học tại trường bị cáo Phạm Anh T điều khiển xe máy BKS 28FZ – 011.83 đi một mình về nhà theo hướng Hòa Bình – Hà Nội. Bị cáo T dừng lại quán bán hàng hoa quả của mẹ là bà

Trần Thị T. Sau khi ăn xong quả Táo, sẵn xe đang nổ T đã điều khiển xe máy chuyển hướng sang đường nhưng không bật xi nhan hay có bất cứ tín hiệu gì để xin sang đường. Căn cứ biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 08/12/2016, ngày 12/5/2017 cho thấy vết cày số (1) và (2) của xe mô tô 29Y5-168.36 và số (3) của xe máy 28FZ-01183 đều nằm trên phần đường bên phải hướng Hòa Bình – Hà Nội, phù hợp với kết quả thực nghiệm điều tra. Vị trí va chạm giữa hai xe (điểm A) được xác định nằm trên phần đường bên phải hướng Hòa Bình – Hà Nội. Như vậy, việc T sang đường không có tín hiệu xin đường đã không đảm bảo an toàn cho người và phương tiện khác đang lưu thông trên đường, đặc biệt là nhường đường cho các phương tiện đi trên đường ưu tiên. Hành vi nêu trên của bị cáo T đã vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 15 Luật giao thông đường bộ. Hành vi vi phạm quy định an toàn giao thông đường bộ của T là một trong những nguyên nhân gây ra vụ tai nạn giao thông ngày 08/12/2016.

Trong vụ án này, bị hại Nguyễn Hữu Đ điều khiển xe mô tô (hiệu DREM), xe có dung tích > 50cm³ khi tham gia giao thông đường bộ chưa có giấy phép lái xe dẫn đến khi xảy ra va chạm, Đ đã không làm chủ được tốc độ dẫn đến việc không xử lý được tình huống. Tại biên bản khám nghiệm hiện trường không xác định có vết phanh của xe do Đ điều khiển. Mặc dù, cơ quan tiến hành tố tụng đã trưng cầu cơ quan chức năng giám định tốc độ của xe 29Y5-168.36 nhưng với các dấu vết để lại hiện trường cơ quan chức năng đã không đủ cơ sở để xác định được tốc độ do xe Đ điều khiển là bao nhiêu. Với hành vi điều khiển xe mô tô khi chưa có giấy phép lái xe của Đ được xác định là một trong những nguyên nhân trực tiếp gây nên vụ tai nạn giao thông. Hành vi này của Đ không phải là vi phạm hành chính thông thường nhưng do bị hại Đ đã chết nên không xem xét trách nhiệm của Đ trong vụ án.

[2.1.2] Hành vi của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm vào những quy định về an toàn trong hoạt động giao thông đường bộ, gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe của người khác, làm ảnh hưởng xấu tới trật tự, trị an trên địa bàn.

[2.1.3] Bị cáo T là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc điều khiển xe mô tô khi tham gia giao thông cần phải tuân thủ các quy định của Luật giao thông đường bộ mới đảm bảo an toàn cho người và phương tiện lưu thông trên đường. Nhưng T đã không thực hiện quy định khi sang đường phải bật tín hiệu và nhường đường cho phương tiện đi trên đường ưu tiên. Người bào chữa cho T cho rằng căn cứ kết luận giám định số 86/17/TgT ngày 07/6/2017 của Viện Pháp y Quốc gia thì T chưa đủ độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử nhận định: Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành thu thập các tài liệu chứng cứ liên quan đến tuổi của Phạm Anh T như Giấy chứng sinh, sổ hộ khẩu và tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Ng, huyện

K, tỉnh Hà Nam. Căn cứ Điều 417 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Điều 6 của Thông tư liên tịch 06/2018/TTLT – VKSNDTC – TANDTC – BCA – BTP – BLĐTBXH ngày 21/12/2018 về phối hợp thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thủ tục tố tụng đối với người dưới 18 tuổi thì với các giấy tờ cơ quan cảnh sát điều tra thu thập được đã đủ căn cứ kết luận Phạm Anh T khi thực hiện hành vi phạm tội đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Việc giám định tuổi chỉ thực hiện khi đã áp dụng các biện pháp hợp pháp mà vẫn không xác định được năm sinh của bị cáo. Đáng lẽ sau khi ông Phạm Tiến D có đơn đề nghị giám định, Cơ quan cảnh sát điều tra căn cứ quy định của pháp luật để từ chối việc giám định tuổi đối với Phạm Anh T mới đúng.

Với những phân tích ở trên, việc Tòa án nhân dân thành phố H xét xử, quyết định tuyên bố bị cáo Phạm Anh T phạm tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội. Việc bị cáo T kêu oan là không có căn cứ cần bác đơn kháng cáo của T.

[2.2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị N về việc đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử hình phạt tù đối với bị cáo T, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo Phạm Anh T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo T có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Khi phạm tội, bị cáo T đang ở độ tuổi chưa thành niên, có nơi cư trú rõ ràng. Trong vụ án này, bị hại Đ cũng có một phần lỗi như điều khiển xe mô tô khi chưa có giấy phép lái xe dẫn đến không làm chủ được tốc độ, không đội mũ bảo hiểm. Thực hiện nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần giám sát, giáo dục bị cáo tại địa phương bằng biện pháp cải tạo không giam giữ là phù hợp. Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã căn cứ Điều 90, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự 2015 để quyết định xử phạt bị cáo T 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị N

[2.3] Về trách nhiệm dân sự: bà Nguyễn Thị N kháng cáo không nhất trí việc Tòa án cấp sơ thẩm chia lỗi để làm căn cứ bồi thường, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc bị cáo bồi thường toàn bộ số tiền là 499.470.000đ, Hội đồng xét xử nhận định: Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện của bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường những khoản sau:

- Chi phí điều trị, cứu chữa tại Bệnh viện: 210.570.000đ (viện phí, thuốc men, mổ) + 95.000.000đ (truyền máu cấp cứu) = 305.570.000đ.

- Tiền xe đi cấp cứu và đưa thi thể về nhà: 3.000.000đ + 6.500.000đ = 9.500.000đ.

- Tiền công người chăm sóc: 14 ngày x 350.000đ = 4.900.000đ.

- Tiền tổ chức tang lễ: 9.000.000đ (quan tài) + 15.000.000đ (tổ chức tang lễ) + 6.500.000đ (kèn trống đám ma) = 30.500.000đ.

- Bù đắp tổn thất về tinh thần: 1.490.000đ x 100 tháng = 149.000.000đ.

Tổng cộng là 499.470.000đ. Ngoài ra, đại diện của bị hại còn yêu cầu bồi thường thiệt hại của xe mô tô 29Y5-168.36 theo kết quả định giá.

Đối chiếu với quy định của pháp luật dân sự, thấy rằng những khoản chi phí liên quan đến cứu chữa bị hại, chi phí thuê xe ô tô đưa bị hại đi cấp cứu và đưa thi thể về an táng, chi phí mai táng, tiền công người chăm sóc bị hại trong 14 là những khoản chi phí hợp lý, có chứng từ kèm theo nên cần chấp nhận như:

- Chi phí cứu chữa người bị hại tại bệnh viện đa khoa tỉnh Hòa Bình: 895.000đ (phiếu thu ngày 08/12/2016) + 5.666.380đ (ngày 22/12/2016) = 6.561.380đ.

- Chi phí cứu chữa người bị hại tại Bệnh viện Việt Đ:

Hóa đơn bán hàng ngày 08/12/2016 (1)	1.913.800đ
Hóa đơn bán hàng ngày 08/12/2016 (2)	2.502.200đ
Hóa đơn bán hàng ngày 08/12/2016 (3)	9.546.000đ
Hóa đơn bán hàng ngày 08/12/2016 (4)	2.613.000đ
Hóa đơn bán hàng ngày 09/12/2016 (1)	215.000đ
Hóa đơn bán hàng ngày 09/12/2016 (2)	215.000đ
Hóa đơn bán hàng ngày 09/12/2016 (3)	2.897.000đ
Hóa đơn bán hàng ngày 09/12/2016 (4)	2.995.642đ
Hóa đơn bán hàng ngày 09/12/2016 (5)	4.445.000đ
Hóa đơn bán hàng ngày 09/12/2016 (6)	1.338.000đ
Hóa đơn bán hàng ngày 09/12/2016 (7)	2.108.200đ
Hóa đơn bán hàng ngày 10/12/2016 (1)	197.953đ
Hóa đơn bán hàng ngày 10/12/2016 (2)	500.000đ
Hóa đơn bán hàng ngày 10/12/2016 (3)	1.785.443đ
Phiếu thu ngày 14/12/2016	2.460.000đ
Hóa đơn bán hàng ngày 03/01/2017	<u>121.379.469đ</u>
Tổng chi phí điều trị tại BV Việt Đ là	157.111.707đ

- Chi phí thuê xe ô tô đưa bị hại đi cấp cứu và đưa thi thể về an táng với tổng số tiền là 9.500.000đ.

- Tiền công người chăm sóc bị hại trong 14 ngày là 4.900.000đ.

- Chi phí mai táng với tổng số tiền là 30.500.000đ

- Về khoản tiền bồi thường tổn thất tinh thần: Do các bên không tự thỏa thuận được với nhau, nên Tòa án cấp sơ thẩm ấn định một khoản bồi thường chung là 100 tháng lương cơ sở, tương đương 149.000.000 đồng là phù hợp.

- Tiền sửa chữa xe mô tô 29Y5-168.36: 2.960.000đ (chấp nhận thiệt hại theo định giá của Hội đồng định giá tài sản).

Tổng cộng toàn bộ số tiền thiệt hại trong vụ án là 361.433.087đ, làm tròn là 361.433.000đ.

Với hành vi vi phạm quy định Luật giao thông đường bộ của bị cáo Phạm Anh T và Nguyễn Hữu Đ chính là những nguyên nhân trực tiếp dẫn đến vụ tai nạn. Vì vậy thiệt hại xảy ra cần phải căn cứ vào lỗi của các bên. Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo Phạm Anh T phải chịu trách nhiệm lớn hơn đối với thiệt hại xảy ra, cụ thể là 60% và bị hại phải chịu 40% thiệt hại là phù hợp với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi mà bị cáo và bị hại gây ra, cụ thể: bị cáo T phải bồi thường cho ông Nguyễn Hữu B và bà Nguyễn Thị N số tiền là 361.433.000đ x 60% = 216.859.800đ (làm tròn 216.859.000đ) là có căn cứ nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bà N.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Về án phí: bị cáo Phạm Anh T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Người đại diện của bị hại bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Anh T, người đại diện của bị hại bà Nguyễn Thị N. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 11/2020/HS - ST ngày 04 tháng 03 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố H, cụ thể:

Tuyên bố: bị cáo Phạm Anh T phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH13 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều BLHS năm 2017 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2018; Điều 7, Điều 36, khoản 2 Điều 51, Điều 90, 91, 100 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Anh T 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã H, thành phố H, tỉnh Hòa Bình nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Phạm Anh T cho Ủy ban nhân dân xã H, thành phố H, tỉnh Hòa Bình giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã H trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trong thời gian chấp hành án, bị cáo Phạm Anh T phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Luật thi hành án hình sự.

Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Phạm Anh T.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 584, 585, 586, 589, 591, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015

Buộc bị cáo Phạm Anh T phải bồi thường cho ông Nguyễn Hữu B và bà Nguyễn Thị N số tiền 216.860.000đ (Hai trăm mười sáu triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí : Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về thu nộp án phí, lệ phí Tòa án

Bị cáo Phạm Anh T phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm, 10.843.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm và 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Bà Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án (28/9/2020).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- TAND tp H;
- VKSND tp H;
- Chi cục THADS tp H;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng

